

Bản án số: **43/2020/KDTM-ST**

Ngày: 29/9/2020

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Tiến Lợi

- Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Hùng - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 25/2020/TLST-KDTM ngày 27/5/2020 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-KDTM ngày 26/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q, địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2 Tòa nhà S, số 111A P, phường B, Quận 1, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Khách hàng cá nhân, Khối Quản trị rủi ro Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam (Văn bản ủy quyền số 3.0141.17 ngày 16/01/2017).

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành N, bà Lý Tố O, ông Nguyễn Mạnh L, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Khách hàng cá nhân, Phòng xử lý nợ Khách hàng cá nhân, Trung tâm Quản lý nợ Khách hàng cá nhân, Khối Quản trị rủi ro Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam (Văn bản ủy quyền số 92981.20 ngày 27/3/2020). Bà Lý Tố O có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1985 - Là đại diện hộ kinh doanh
2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1983 (là vợ của ông Nguyễn Văn Quang)
Cùng cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982
2. Bà Trần Thị Phương H, sinh năm 1983 (vợ của ông Nguyễn Văn Đồng)
Cùng cư trú tại: Khu dịch vụ, thôn Đ, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Việt D, sinh năm 1968. Vắng mặt.
4. Bà Lê Thị B, sinh năm 1967 (vợ của ông Nguyễn Việt D). Có mặt.
5. Anh Nguyễn Việt Q, sinh năm 1995 (con của ông Nguyễn Việt D). Vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/01/2012, Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), Chi nhánh Ba Đình, Phòng giao dịch Hà Nam ký “*Hợp đồng tín dụng*” số 015CN010/HĐTD1-VIB/2012, “*Phụ lục hợp đồng tín dụng*” và “*Khế ước nhận nợ*” số 015CN010/KU'NN1-VIB/2012 cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T (sau đây gọi tắt là vợ chồng ông Q) vay 500.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh thức ăn chăn nuôi, nông sản; thời hạn vay 12 tháng; tiền gốc trả cuối kỳ, tiền lãi trả hàng tháng; lãi suất cho vay 22%/năm, lãi suất thả nổi áp dụng tại từng thời điểm giải ngân, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND

kỳ hạn tương ứng với kỳ thay đổi lãi suất + biên độ lãi suất tối thiểu 3%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh và phải đúng chính sách của Ngân hàng, lãi suất thay đổi 03 tháng 01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 500.000.000 đồng cho vợ chồng ông Q ngày 16/01/2012.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất số 53, tờ bản đồ số 4, diện tích 328m² (trong đó: Đất ở tại nông thôn 200m² thời hạn sử dụng lâu dài; đất trồng cây lâu năm 128m² thời hạn sử dụng đến tháng 4/2052), địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 333568 do Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Văn Đ ngày 21/4/2010, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00002. Việc thế chấp thực hiện theo “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (của bên thứ 3 là cá nhân)*” được công chứng tại Văn phòng Công chứng Vạn Xuân, thành phố Hà Nội số 00097.12, Quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/01/2012, giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Phương H; bên vay vốn là ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T; bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam - Sở giao dịch; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội ngày 13/01/2012. Phạm vi bảo đảm của tài sản thế chấp là nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn của bên vay.

Quá trình thực hiện, vợ chồng ông Q mới trả được 30.212.678 đồng tiền lãi. Do vợ chồng ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn từ ngày 15/5/2012.

Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông Q phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 29/9/2020 là 1.496.960.933 đồng (trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 60.108.475 đồng, nợ lãi quá hạn 936.852.458 đồng); kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc, vợ chồng ông Q còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp vợ chồng ông Q không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ mà giá trị tài sản thu được không đủ để trả các khoản nợ thì vợ chồng ông Q phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán hết số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng.

- **Ý kiến của bị đơn:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T. Mặc dù các đương sự đã nhận văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc và không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với việc giải quyết vụ án.

- **Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ **Ông Nguyễn Văn Đ trình bày:** Thừa nhận việc ký kết “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (của bên thứ 3 là cá nhân)*” ngày 11/01/2012 với nội dung thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất số 53, tờ bản đồ số 4, diện tích 328m² tại thôn T, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng ông Q tại Ngân hàng, phạm vi bảo đảm là nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn của bên vay trên số nợ gốc 500.000.000 đồng. Ông đề nghị Ngân hàng miễn cho ông toàn bộ tiền lãi, còn tiền gốc xin trả 70% khi ông trả nợ thay cho vợ chồng ông Q.

+ **Bà Lê Thị B trình bày:** Tài sản thế chấp nêu trên nguồn gốc là của gia đình bà và hiện tại toàn bộ gia đình bà vẫn đang ở trên thửa đất này. Năm 2009 gia đình bà vay tiền của ông Nguyễn Văn Đ nên đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ giữ. Sau đó, ông Đ tiếp tục hỏi mượn rồi làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thế chấp cho Ngân hàng thương mại Q Việt Nam để vay tiền. Lúc đầu, bà B bày đề nghị ông Đ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho gia đình bà. Nhưng sau đó bà B rút yêu cầu và xác định không liên quan gì đến việc ông Đ thế chấp thửa đất để vay vốn ngân hàng.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là bà Trần Thị Phương H, ông Nguyễn Viết D, anh Nguyễn Viết Q không đến Tòa án làm việc và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án, không gửi cho Tòa án ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

- **Tại “Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ” ngày 08/7/2020 thể hiện:**

Tài sản thế chấp hiện do gia đình ông Nguyễn Viết D, bà Lê Thị B đang sử dụng và quản lý, không cho ai thuê mượn hay ở nhờ. Tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà cấp 4 xây gạch lợp mái tôn, 01 nhà kho và chuồng bò, 01 bếp ăn, nhà tắm, 01 nhà ngang, 01 sân gạch đỏ. Hiện trạng tài sản thế chấp không có gì thay đổi so với khi thế chấp. Những người đang ở trên đất gồm ông Nguyễn Viết D, bà Lê Thị B, anh Nguyễn Viết Q.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bà B cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự khác không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn; chấp nhận yêu cầu được đề nghị xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Vợ chồng ông Quang phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng: Vợ chồng ông Q vay vốn của Ngân hàng để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh, nay tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán nên đây là tranh chấp kinh doanh, thương mại. Căn cứ các điều 30, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Trước khi mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 29/9/2020, Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Phương H, ông Nguyễn Viết D, anh Nguyễn Viết Q, nhưng tại phiên tòa ngày 29/9/2020 ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Phương H, ông Nguyễn Viết D, anh Nguyễn Viết Q vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Phương H, ông Nguyễn Viết D, anh Nguyễn Viết Q

- Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn:

[1]. Về yêu cầu buộc vợ chồng ông Q thanh toán khoản nợ tính đến hết ngày 29/9/2020 và tiếp tục chịu tiền lãi kể từ ngày 30/9/2020:

- Đối với khoản tiền gốc và tiền lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn):

Thỏa thuận của các bên về số tiền vay, lãi suất, nghĩa vụ thanh toán ghi trong “Hợp đồng tín dụng” số 015CN010/HĐTD1-VIB/2012, “Phụ lục hợp đồng tín dụng” và “Khế ước nhận nợ” số 015CN010/KU'NN1-VIB/2012 cùng ngày 16/01/2012 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Các chứng từ về việc giải ngân, về số tiền đã thanh toán, số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn chưa thanh toán do Ngân hàng cung cấp là chính xác. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc vợ chồng ông Q phải thanh toán trả Ngân hàng khoản

nợ tính đến hết ngày 29/9/2020 là 1.496.960.933 đồng (trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 60.108.475 đồng, nợ lãi quá hạn 936.852.458 đồng).

- *Đối với yêu cầu buộc phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 30/9/2020:*

Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, Luật các tổ chức tín dụng và thỏa thuận của các đương sự về nghĩa vụ chịu lãi, lãi suất trong “*Hợp đồng tín dụng*” số 015CN010/HĐTD1-VIB/2012, “*Phụ lục hợp đồng tín dụng*” và “*Khế ước nhận nợ*” số 015CN010/KU'NN1-VIB/2012 cùng ngày 16/01/2012 thì yêu cầu của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận. Do vậy, kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc, vợ chồng ông Q còn phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong “*Hợp đồng tín dụng*” số 015CN010/HĐTD1-VIB/2012, “*Phụ lục hợp đồng tín dụng*” và “*Khế ước nhận nợ*” số 015CN010/KU'NN1-VIB/2012 cùng ngày 16/01/2012.

[2]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Việc ký kết “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (của bên thứ 3 là cá nhân)*” ngày 11/01/2012 là hoàn toàn tự nguyện, các đương sự đều thừa nhận; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc đề nghị được xử lý tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay trong trường hợp vợ chồng ông Q không thanh toán được khoản nợ. Phạm vi bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn của vợ chồng ông Q cho Ngân hàng.

- **Về án phí:** Vợ chồng ông Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các điều 351, 355, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Áp dụng Luật các tổ chức tín dụng;
- Áp dụng Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ

về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T về việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn theo “*Hợp đồng tín dụng*” số 015CN010/HĐTD1-VIB/2012, “*Phụ lục hợp đồng tín dụng*” và “*Khế ước nhận nợ*” số 015CN010/KU'NN1-VIB/2012 cùng ngày 16/01/2012. Cụ thể:

1.1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T phải thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam số tiền còn nợ tính đến hết ngày 29/9/2020 gồm các khoản sau:

- Tiền gốc: 500.000.000 đồng;
- Tiền lãi trong hạn 60.108.475 đồng;
- Tiền lãi quá hạn: 936.852.458 đồng;

Tổng cộng: **1.496.960.933 đồng** (*Một tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn chín trăm ba mươi ba đồng*).

1.2. Kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong “*Hợp đồng tín dụng*” số 015CN010/HĐTD1-VIB/2012, “*Phụ lục hợp đồng tín dụng*” và “*Khế ước nhận nợ*” số 015CN010/KU'NN1-VIB/2012 cùng ngày 16/01/2012.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Cụ thể:

- Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T không thanh toán được khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (của bên thứ 3 là cá nhân)*” được công chứng tại Văn phòng Công chứng Vạn Xuân, thành phố Hà Nội số 00097.12, Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/01/2012.

Tài sản thế chấp được phát mại để thu hồi nợ là toàn bộ quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất số 53, tờ bản đồ số 4, diện tích 328m² (trong đó: Đất ở tại nông thôn 200m² thời hạn sử dụng lâu dài; đất trồng cây lâu năm 128m² thời hạn sử dụng đến tháng 4/2052), địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 333568 do Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Văn Đ ngày 21/4/2010, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00002.

Phạm vi bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn của vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam theo “*Hợp đồng tín dụng*” số 015CN010/HĐTD1-VIB/2012, “*Phụ lục hợp đồng tín dụng*” và “*Khế ước nhận nợ*” số 015CN010/KU'NN1-VIB/2012 cùng ngày 16/01/2012.

- Khi xử lý tài sản thế chấp thì tất cả những người đang sinh sống tại nhà, đất là tài sản thế chấp nêu trên phải di chuyển đi chỗ khác để thi hành án.

- Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền thu được không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam thì vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam.

- Trường hợp số tiền thu được có giá trị lớn hơn số tiền vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Phương H.

- Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T trả được toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam phải làm thủ tục giải chấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Phương H theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T phải nộp 56.908.000 đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm;

- Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam 29.485.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004806 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Hưng